

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 122 /2023/HS-ST

Ngày: 20/12/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

*Thẩm phán:* Ông **Bùi Trọng Danh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Đoàn Ngọc Đăng**

**Bà Lê Thị Hồng**

**Ông Huỳnh Hưng**

**- Thư ký phiên toà:** Ông **Vũ Tùng Lâm** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà:** Ông **Nguyễn Sơn** - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 149/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2023, đối với các bị cáo:

**1/ Phạm T**, sinh ngày 11/07/1996 tại Đ; Nơi ĐKNKTT: 67 , phường H, quận H, TP Đ; Nơi cư trú: K408/H77/7/ xxx, phường H, quận H, TP Đ; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm S (*còn sống*) và bà Trương Thị Đ(*chết*); Chưa có vợ, con; Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 28/01/2022, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 02(hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” (Bản án số: 21/2022/HSST) chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2023.

*Về nhân thân:*

- Ngày 01/08/2014 bị Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với số tiền 1.500.000 đồng (*Quyết định số 31/QĐ-XPVPHC*) chấp hành xong ngày 08/08/2014.

- Ngày 21/05/2015 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng. (*Quyết định số 87/QĐ-XPVPHC*) chấp hành xong ngày 21/06/2016.

- Ngày 20/09/2016 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng. (*Quyết định số 69/2016/QĐ-TA*) chấp hành xong ngày 03/11/2017.

- Ngày 02/10/2018 bị Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng có mang theo vũ khí thô sơ với số tiền 4.000.000 đồng (*Quyết định số 297/QĐ-XPHC*) hết thời hiệu thi hành.

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/07/2023; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

2/ **Nguyễn P**, sinh ngày 19/02/1999 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Số 18, phường N, quận S, thành phố Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn H và bà Huỳnh Thị R (đều đã chết); Chưa có vợ, con; Tiền án: Không;

Tiền sự:

- Ngày 02/07/2019 bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng. (*Quyết định số 69/2019/QĐ-TA*) chấp hành xong ngày 04/05/2020.

- Ngày 30/06/2021 bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng. (*Quyết định số 54/2021/QĐ-TA*) chấp hành xong ngày 31/01/2023,

Bị bắt tạm giam từ ngày 25/07/2023. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

3/ **Phạm Hà Thanh T1**, sinh ngày 16/04/1997 tại Đ; Nơi ĐKNKTT: tổ 37 phường H, quận T, TP Đ; Nơi cư trú: K74/H74/xx T, phường H, quận L, TP Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Lê B (*chết*) và bà Hà Thị Kim D (*còn sống*); Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân:

- Ngày 20/11/2015 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15

(mười lăm) tháng. (Quyết định số 168/2015/QĐ-TA) chấp hành xong ngày 20/01/2017.

- Ngày 28/07/2017 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 (mười tám) tháng. (Quyết định số 84/2017/QĐ-TA) chấp hành xong ngày 26/11/2018.

- Ngày 14/08/2019 bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 (mười tám) tháng. (Quyết định số 83/QĐ-TA) chấp hành xong ngày 16/09/2020.

Bị bắt tạm giam từ ngày 25/07/2023; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Phạm T:* Ông **Hà Xuân B** - Luật sư Văn phòng luật sư Phước Hà - thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng theo yêu cầu của Tòa án; Có mặt.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Nguyễn Lý Phương T2**, sinh năm 2002; Trú tại: Khu chung cư C2, nhà D, đường D, phường N, quận S, thành phố Đ. Có mặt.

2/ Ông **Nguyễn Tuấn K**, sinh năm 1993; Trú tại: 05 A, phường A, quận S, thành phố Đ. Vắng mặt.

3/ Ông **Hồ Chí T3**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh B. Có mặt.

4/ Ông **Nguyễn T4**, sinh năm 1980; Trú tại: tổ 70, phường N, quận S, thành phố Đ. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Vào lúc 22 giờ 15 phút ngày 25/7/2023, tại sảnh chờ tầng trệt của khách sạn M, số 3xx đường 2/9, phường H, quận H, TP Đ. Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an quận Hải Châu, TP Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang Nguyễn P đang có hành vi cất giấu ma túy.

*Tang vật tạm giữ gồm:* 01(một) gói ni lông, kích thước khoảng (8,5 x 05) cm, bên trong chứa 10 (mười) viên nén màu cam, nghi là ma túy (**ký hiệu A2**) và 02 (hai) gói ni lông, kích thước khoảng (05 x 04) cm, bên trong đều chứa tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy. (**Ký hiệu: A1**).

- 01(một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh đen, biển số 43E1-48x.xx và 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone Xs, màu trắng, số Imei 1: 353147101691xxx và số Imei 2: 353147101705xxx, gắn sim số: 0901924xxx.

Vào lúc 23 giờ ngày 25/7/2023, tại đầu kiệt K408/xx đường T, thành phố Đ. Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang Phạm Hà Thanh T1 có hành vi cất giấu ma túy.

*Tang vật tạm giữ gồm:* 01(một) gói ni lông màu trắng, kích thước khoảng (05 x 04) cm, bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy. **(Ký hiệu: F)**

- 01(một) điện thoại di động có ghi dòng chữ Nokia, màu xanh đen, số Imei 1: 356107164744xxx, gắn thẻ sim số: 0788662xxx và 01(một) điện thoại di động có ghi dòng chữ Sam sung, màu đen, số Imei 1: 351389227657xxx, số Imei 2: 352682487657xxx, gắn thẻ sim số: 0905242xxx.

Vào lúc 00h 30 ngày 26/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm T.

*Tang vật tạm giữ gồm:*

- 01(một) gói ni lông, kích thước khoảng (8,5 x 5,4) cm, bên trong có 01(một) mảnh vỡ của viên nén màu xám, nghi là ma túy. **(Ký hiệu T)**

- 01(một) khẩu súng màu đen, có dòng chữ ZP-5, trong ổ đạn không có đạn. **(Ký hiệu A1)**; 01(một) cây dao mèo màu đen, lưỡi dao bằng kim loại, dài khoảng 35cm, nơi rộng nhất khoảng 06cm, mũi dao nhọn, cán dao làm bằng gỗ, dài khoảng 14cm; 01 (một) chiếc cân tiểu ly màu đen, đã qua sử dụng; 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone màu tím số Imeil: 353843247223xxx gắn sim số: 0799.444.xxx; 01(một) điện thoại di động có dòng chữ Nokia, màu đen số seri: 352885104580xxx và 352885105580xxx gắn sim số: 0702731xxx.

Vào lúc 01 giờ 30 phút ngày 26/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm T (*địa chỉ: số nhà K408/H77/xx T, phường H, quận H, thành phố Đ*).

*Tang vật thu giữ gồm:* 01(một) gói ni lông, kích thước khoảng (10 x 07) cm, chứa 93 (chín ba) viên nén màu cam **(ký hiệu B1a)** và 03 (ba) viên nén màu xám **(ký hiệu B1b)**, nghi là ma túy; 01(một) gói ni lông, kích thước khoảng (11 x 07) cm, chứa 200 (hai trăm) viên nén màu cam, nghi là ma túy **(ký hiệu B1a)**; 01(một) gói ni lông, kích thước khoảng (11 x 07) cm, chứa 04 (bốn) viên nén màu hồng, nghi là ma túy **(ký hiệu B1c)**; 01(một) gói ni lông, kích thước khoảng (09 x 06) cm, đều chứa tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy **(ký hiệu B1d1)**; 01(một) gói ni lông, kích thước khoảng (09 x 06) cm, đều chứa tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy **(ký hiệu B1d2)**; 01(một) gói ni lông, kích thước khoảng (09 x 06) cm, bên trong chứa 02(hai) gói ni lông, kích thước khoảng (05 x 04) cm và 01(một) gói ni lông, kích thước khoảng (04 x 04) cm, bên trong các gói đều chứa tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy **(ký hiệu B1e)**; 02 (hai) gói ni lông, kích thước khoảng (05 x

04) cm, bên trong đều chứa tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy. **(Ký hiệu B1f)**; 20 (hai mươi) gói ni lông, kích thước khoảng (04 x 04) cm và 20 (hai mươi) gói ni lông, kích thước khoảng (8,5 x 5,5) cm, chưa qua sử dụng và 19 (mười chín) viên đạn hình trụ tròn, chiều dài mỗi viên khoảng 2,5 cm. **(Ký hiệu A2)**.

***Qua điều tra xác định:***

Vào khoảng ngày 22/7/2023, do có ý định mua ma túy về bán lại kiếm lời nên Phạm T đã liên hệ với đối tượng tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua ma túy với số tiền 80.000.000đ (khi nào bán xong mới trả tiền), H đồng ý và hẹn giao ma túy tại khu vực chợ H, đường H, thành phố Đ. Sau đó, Phạm T đi bộ đến điểm hẹn nhận ma túy rồi mang về nhà (địa chỉ: K408/H77/7/ xxx, thành phố Đ cất giấu).

Để thực hiện việc mua bán ma túy, Phạm T nhờ Nguyễn P đi giao ma túy giúp khi có người liên hệ mua ma túy và sẽ trả công cho Nguyễn P 500.000đ/ lần đi giao ma túy. Nguyễn P đã đi giao ma túy giúp cho Phạm T nhiều lần (không nhớ tổng số lần), chỉ nhớ 03 (ba) lần cụ thể như sau:

**Lần 1:** Ngày 22/7/2023, có đối tượng nam thanh niên không rõ nhân thân lai lịch liên hệ với Phạm T hỏi mua 02 (hai) viên thuốc lắc và nửa hộp 05 ma túy ketamine. Hai bên thỏa thuận giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) và hẹn giao ma túy tại karaoke T, thành phố Đ. Sau đó, Phạm T liên hệ với Nguyễn P nói Nguyễn P đến lấy ma túy và đi giao cho khách. Nguyễn P điều khiển xe mô tô BKS: 43E1-485.xx đến nhà Phạm T (địa chỉ: số nhà K408/H77/7/ xxx, phường H, quận H, thành phố Đ) lấy gói ma túy mà Phạm T đã để sẵn ở dưới đồng hồ nước phía trước nhà mang đến điểm hẹn giao cho khách, lấy số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Sau đó, Nguyễn P lấy số tiền 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) tiêu xài cá nhân còn số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) Nguyễn P nộp vào ví MOMO chuyển qua số tài khoản 03073210xxx ngân hàng TP Bank của Phạm T.

**Lần 2:** Ngày 24/7/2023, có đối tượng nam thanh niên không rõ nhân thân lai lịch liên hệ với Phạm T hỏi mua 05 (năm) viên thuốc lắc và nửa hộp 05 ma túy ketamine. Hai bên thỏa thuận giá 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) và hẹn giao ma túy tại karaoke T, thành phố Đ. Sau đó, Phạm T liên hệ với Nguyễn P nói Nguyễn P đến lấy ma túy và đi giao cho khách. Nguyễn P điều khiển xe mô tô BKS: 43E1- 485.xx đến nhà Phạm T (địa chỉ: số nhà K408/H77/7/ xxx, phường H, quận H, thành phố Đ) lấy gói ma túy mà Phạm T đã để sẵn ở dưới đồng hồ nước phía trước nhà mang đến điểm hẹn giao cho khách, lấy số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Sau đó, Nguyễn P lấy số tiền 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) tiêu xài cá nhân còn số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) Nguyễn P nộp vào ví MOMO chuyển qua số tài khoản 03073210xxx ngân hàng TP Bank của Phạm T.

**Lần 3:** Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 25/7/2023, có đối tượng tên T5 (không rõ nhân thân lai lịch) liên hệ với Phạm T hỏi mua 10 (mười) viên thuốc lắc

và 02 (hai) gói ma túy ketamine. Hai bên thỏa thuận giá 9.000.000đ (Chín triệu đồng) và hẹn giao ma túy tại khách sạn M, thành phố Đ. Sau đó, Phạm T liên hệ với Nguyễn P nói Nguyễn P đến lấy ma túy và đi giao cho khách. Nguyễn P điều khiển xe mô tô BKS: 43E1- 485.xx đến nhà Phạm T (địa chỉ: số nhà K408/H77/7/xxx, phường H, quận H, thành phố Đ) lấy gói ma túy mà Phạm T đã để sẵn ở dưới đồng hồ nước phía trước nhà mang đến điểm hẹn giao cho khách. Khi Nguyễn P đang đợi để giao ma túy tại sảnh chờ tầng trệt của khách sạn M thì bị Cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang.

Phạm T còn trực tiếp bán ma túy cho Phạm Hà Thanh T1. Cụ thể: Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 25/7/2023, Phạm Hà Thanh T1 liên hệ Phạm T hỏi mua nửa hộp ketamine. Hai bên thỏa thuận giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng), Phạm Hà Thanh T1 xin nợ lại số tiền này, Phạm T đồng ý và hẹn giao ma túy tại nhà của Phạm T (địa chỉ: K408/H77/7/xxx, TP. Đ). Sau đó, Phạm Hà Thanh T1 bắt xe mô tô grab đến K, thành phố Đ, rồi đi bộ vào nhà Phạm T lấy 01 (một) gói ma túy Phạm T để sẵn trên ô cửa thông gió bên cạnh cửa chính nhà Phạm T. Sau đó, Phạm Hà Thanh T1 cầm ma túy đi bộ ra lại đầu kiệt K408/H77/7/xxx, thành phố Đ thì bị CSĐT Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang.

Khi Phạm T đến phòng trọ số 01 căn hộ (địa chỉ số 58 C, thành phố Đ) để chơi thì có mang theo 01 (một) gói ma túy (lấy trong số ma túy mua của H) đến để trước thềm cửa phòng trọ nhằm mục đích ai mua bán thì bán. Khi cơ quan CSĐT Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm T đã thu giữ gói ma túy này.

Số tiền có được từ việc mua bán ma túy Phạm T và Nguyễn P đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại kết luận giám định số 679/KL-KTHS ngày 03/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP. Đà Nẵng, kết luận:

- Tinh thể rắn màu trắng gửi giám định (**ký hiệu A1, F, B1d2, B1e, B1f**) là ma túy, loại Ketamine;

- Tinh thể rắn màu trắng gửi giám định (**ký hiệu B1d1**) và các viên nén màu hồng gửi giám định (**ký hiệu B1c**) là ma túy, loại Methamphetamine;

- Các viên nén màu cam gửi giám định (**ký hiệu A2, B1a**) là ma túy, loại Methamphetamine, MDMA;

- Mảnh vỡ của viên nén màu xám (**ký hiệu T**) và các viên nén màu xám gửi giám định (**ký hiệu B1b**) là ma túy, loại MDMA.

Khối lượng mẫu:

| Mẫu              | A1          | A2                            | F           | T             | B1a                             | B1b           | B1c         | B1d1        | B1d2         | B1e         | B1f         |
|------------------|-------------|-------------------------------|-------------|---------------|---------------------------------|---------------|-------------|-------------|--------------|-------------|-------------|
| Khối lượng (gam) | 3,001<br>KE | 3,635<br>Metham<br>và<br>MDMA | 1,439<br>KE | 0,179<br>MDMA | 105,962<br>MDMA<br>và<br>Metham | 1,467<br>MDMA | 1,591<br>ME | 5,949<br>ME | 16,846<br>KE | 4,517<br>KE | 3,015<br>KE |

*Tại kết luận giám định số 709/KL-KTHS ngày 16/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng:*

- Khẩu súng gửi giám định (ký hiệu A1) là loại súng ngắn ổ quay tự chế, là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí thể thao, còn sử dụng được.

- 19 (mười chín) viên đạn gửi giám định (ký hiệu A2) là loại đạn thể thao quốc phòng, thuộc loại vũ khí thể thao.

- 19 (mười chín) viên đạn gửi giám định ký hiệu A2 sử dụng được cho khẩu súng gửi giám định ký hiệu A1.

- Không tìm thấy ký tự đóng chìm trên khẩu súng gửi giám định.

*Tại kết luận giám định số 705/KL-KTHS ngày 15/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng:*

- Không phát hiện dấu vết đường vân trên 01 (một) gói ni lông màu trắng, kích thước khoảng (05 x 04) cm mẫu cần giám định.

*Tại kết luận giám định số 811/KL-KTHS ngày 26/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng:*

- 01 (một) cây dao mèo bằng kim loại gửi giám định là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí thô sơ.

Quá trình điều tra Phạm T, Nguyễn P, Phạm Hà Thanh T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số: 181/CT-VKS-P1 ngày 29/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phạm T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn P về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và bị cáo Phạm Hà Thanh T1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm T, Nguyễn P và Phạm Hà Thanh T1 khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung Bản cáo trạng truy tố, đồng thời thừa nhận VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố các bị cáo T, Phường về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và bị cáo T1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là đúng pháp luật, các bị cáo xin HĐXX xét giảm nhẹ hình phạt để có ít thời gian học tập cải tạo tốt, sớm được đoàn tụ với gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phạm T, Nguyễn P về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và bị cáo Phạm Hà Thanh T1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” với các tình tiết định khung tại Bản cáo trạng số: 181/CT-VKS-P1

ngày 29/11/2023; Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

*Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo Phạm T, Nguyễn P phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo Phạm Hà Thanh T1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

*Về hình phạt chính:*

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 BLHS.

*Xử phạt :* Bị cáo Phạm T 20 (hai mươi) năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, các điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 BLHS.

*Xử phạt:* Bị cáo Nguyễn P từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù.

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

*Xử phạt:* Bị cáo Phạm Hà Thanh T1 từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

*Về hình phạt bổ sung:* Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 BLHS phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo Phạm T từ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), Nguyễn P từ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và Phạm Hà Thanh T1 từ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đến 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

*Về biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 46 BLHS Buộc bị cáo Phạm T nộp lại số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu, năm trăm ngàn đồng) và Nguyễn P nộp lại số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) do thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước.

*Về phần xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS xử lý như đã nêu trong nội dung Bản cáo trạng truy tố theo quy định của pháp luật.

- Luật sư Hà Xuân B người bào chữa cho bị cáo Phạm T tại phiên tòa có quan điểm luận cứ bào chữa như sau: Thống nhất về tội danh, điểm khoản, điều luật mà VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo Phạm T tại Bản cáo trạng số: 181/CT-VKS-P1 ngày 29/11/2023 nên không có tranh luận về tội

danh; Tuy nhiên, về hình phạt luật sư đề nghị HĐXX cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, và tự thú khai ra việc phạm tội trước đó chưa bị phát hiện, hoàn cảnh gia đình khó khăn được quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để quyết định cho bị cáo một mức hình phạt phù hợp dưới mức thấp nhất của đại diện VKS đề nghị nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Sau khi kiểm tra và đánh giá, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên là hợp pháp, đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] **Về hành vi phạm tội của các bị cáo:** Qua xem xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa; Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát; Luận cứ bào chữa của Luật sư người bào chữa cho bị cáo T tại phiên tòa, các Bản kết luận giám định về ma túy, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] **Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Phạm T và Nguyễn P:**

Với mục đích mua ma túy bán lại kiếm lời, lấy tiền chi tiêu cho nhu cầu bản thân, vì vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 22/7/2023 đến ngày 25/7/2023 bị cáo Phạm T đã mua ma túy của một đối tượng tên H (*không rõ nhân thân Lai lịch*) với số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*), hai bên giao dịch tại khu vực chợ H, đường H, TP. Đ, sau khi nhận được ma túy từ đối tượng tên H giao, bị cáo mang về nhà tại địa chỉ số: K408/H77/xxx, phường H, quận H, thành phố Đ cất giấu rồi phân ra từng gói nhỏ, lẻ để nhờ bị cáo Nguyễn P đi giao giúp ma túy cho các đối tượng có nhu cầu mua ma túy sử dụng và hứa trả tiền công cho Nguyễn P mỗi lần

đi giao ma túy là 500.000đ/lần; Được Nguyễn P đồng ý giúp sức đi giao ma túy nhiều lần cho nhiều đối tượng cho đến ngày 25/7/2023 khi Nguyễn P đang có hành vi giao ma túy cho một đối tượng không rõ lai lịch tại tầng trệt Khách Sạn M thì bị lực lượng Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bắt quả tang, thu giữ vật chứng ma túy, từ lời khai của Nguyễn P, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm T, đồng thời tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo thu giữ của Phạm T nhiều tang vật chứng sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy; Ngoài việc bị cáo nhờ Nguyễn P đi giao ma túy, bản thân bị cáo còn trực tiếp bán ma túy cho Phạm Hà Thanh T1 để sử dụng vào ngày 25/7/2023, nhưng T1 chưa sử dụng thì bị bắt,

Tại Kết luận giám định số: 679/KL-KTHS ngày 03/8/2023 của Phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng kết luận các tinh thể rắn màu trắng, các viên nén màu cam, mảnh vỡ của viên nén màu xám (*có các ký hiệu A1,F, B1d2, B1e, B1f, B1d1, B1c, A2,B1a, T và B1b*) đều là ma túy loại Ketamine, Methaphemine, MDMA; Trong đó bị cáo Phạm T phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng các chất ma túy bị cáo mua bán là: 28,818 gam loại Ketamine và 118,783 gam loại Methaphetamine, MDMA; Bị cáo Nguyễn P phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy bị cáo bán là 3,001 gam Ketamine và 3,635 gam loại Methaphetamine, MDMA.

[2.2] *Về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Phạm Hà Thanh T1*: Phạm Hà Thanh T1 là đối tượng nghiện ma túy, vì vậy, để có ma túy sử dụng cho nhu cầu mục đích của bản thân ngày 25/7/2023 bị cáo liên hệ hỏi mua của bị cáo Phạm T nửa hộp Ketamine với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) xin nợ và được Phạm T đồng ý, hai bên hẹn giao dịch tại nơi ở của T tại K408/77/xxx, Đ, sau đó T1 bắt xe Grab đến điểm hẹn nhận được gói ma túy từ Phạm T bán để đem về nhà sử dụng; Tuy nhiên, khi bị cáo đang cầm gói ma túy trên tay đi bộ từ nhà Phạm T ra tới đầu kiệt K408/77 Trương Nữ Vương, thì bị lực lượng Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bắt quả tang, thu giữ vật chứng, kết luận giám định khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ để sử dụng là 1,438 gam loại Ketamine.

[2.3] Với hành vi nêu trên của các bị cáo Phạm T và Nguyễn P tại tiểu mục [2.1] là đủ các yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 251 BLHS và hành vi của bị cáo Phạm Hà Thanh T1 nêu tại tiểu mục [2.2] là

đủ các yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 249 BLHS.

[2.4] Xét khối lượng các chất ma túy bị cáo Phạm T tàng trữ để mua bán từ 100gam trở lên là thuộc tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 BLHS, đồng thời bị cáo P là người giúp sức cho T mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần (*từ 02 lần trở lên*) là tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS; Bị cáo T1 Tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 1,439 gam để sử dụng là tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 BLHS; Do đó, Bản cáo trạng số: 181/CT-VKS-P1 của VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Phạm T, Nguyễn P và Phạm Hà Thanh T1 với các tình tiết định khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của các bị cáo trong vụ án thì thấy:

[4.1] Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bản thân các bị cáo là những người đã trưởng thành, biết rõ tác hại của các chất ma túy là loại độc dược gây nghiện do nhà nước độc quyền quản lý, vì vậy, Nhà nước ta nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển ...các chất ma túy dưới bất cứ hình thức nào gây hậu quả nghiêm trọng đều bị pháp luật trừng trị và xử lý, tùy theo tính chất, mức độ do hành vi trái pháp luật đó gây ra, nhưng vì háms lợi, để có tiền phục vụ cho nhu cầu lợi ích bản thân, cũng như có ma túy sử dụng các bị cáo bất chấp sự trừng trị của pháp luật trong đó bị cáo T và P nhiều lần thực hiện hành vi lén lút mua bán trái phép chất ma túy nhiều loại với khối lượng lớn, bị cáo T1 mua ma túy của T để sử dụng; Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình, trật tự trị an xã hội, làm phát sinh nhiều tội phạm và các tệ nạn xã hội khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Do đó, việc các cơ quan tiến hành tố tụng bắt điều tra, truy tố và xét xử đối với các bị cáo nhằm mục đích răn đe, cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

[4.2] Xét hành vi phạm tội vai trò của các bị cáo T và P trong việc mua bán trái phép chất ma túy trong vụ án thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm cùng tham

gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng không mang tính tổ chức, đồng phạm giản đơn, trong đó xác định vai trò của từng bị cáo cụ thể như sau:

[4.2.1] Đối với bị cáo Phạm T là người có vai trò chính trong vụ án, bởi lẽ vì mục đích vụ lợi muốn có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo bắt chấp sự trừng trị của pháp luật, thực hiện hành vi mua ma túy của một đối tượng H (*không rõ lai lịch*) với số lượng lớn cất giấu tại nhà, sau đó nhờ Nguyễn P đi giao ma túy cho các đối tượng mua ma túy sử dụng nhiều lần, đồng thời bị cáo còn trực tiếp bán ma túy cho bị cáo T1 để sử dụng; Trong đó khối lượng các chất ma túy bị cáo giao cho P đi bán, cũng như bán cho T1 và số ma túy cất giấu tại nhà còn lại bị thu giữ theo kết luận giám định tổng khối lượng ma túy các loại là 147,601 gam; Do đó, đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc mới có tác dụng riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung, nên khi quyết định hình phạt bị cáo cao hơn bị cáo P là có căn cứ.

[4.2.2] Đối với Nguyễn P là đồng phạm giúp sức cho bị cáo T đi giao ma túy cho các đối tượng mua ma túy nhiều lần và được T trả tiền công mỗi lần đi giao ma túy là 500.000đ/lần, bị cáo tham gia với vai trò tích cực, tuy nhiên, bị cáo chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng ma túy khi bị bắt quả tang là: 6,636 gam; nên đối với bị cáo cũng cần được xử lý nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, song khi quyết định hình phạt có thấp hơn so với bị cáo T là phù hợp.

[5] Đối với bị cáo T1 không đồng phạm cùng với bị cáo T, P, trong việc mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo chỉ mua ma túy của T khối lượng ma túy 1,439 gam loại Ketamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, nên đối với bị cáo cũng cần được xử lý thích đáng mới đủ sức răn đe bị cáo.

[6] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[6.1] *Về tình tiết tăng nặng:* Trong vụ án này bị cáo T phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm và phạm tội từ hai lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, g khoản 1 Điều 52 BLHS để áp dụng khi quyết định hình phạt cho bị cáo T; Các bị cáo P và T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6.2] *Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trong đó các bị cáo T, P tự thú

khai ra các lần phạm tội trước đó chưa bị phát hiện, mỗi bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhất định, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét khi quyết định hình phạt cho các bị cáo T, P và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS khi quyết định hình phạt cho bị cáo T1.

[6] *Về quyết định hình phạt:* Xét thấy, bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp đặt biệt nghiêm trọng, bị truy tố, xét xử về tội danh “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4 Điều 251 BLHS có khung hình phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình, bị cáo P phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm tù, bị cáo Thiên phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng có khung hình phạt tù từ 01 đến 05 năm tù; Bản thân các bị cáo đều có nhân thân không tốt, Vì vậy, cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định như đề nghị của đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Xét luận cứ bào chữa và đề nghị của Luật sư Hà Xuân B người bào chữa cho bị cáo Phạm T tại phiên tòa về việc đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS phù hợp với phần nhận định của HĐXX tại tiểu mục [6.2] nêu trên nên ghi nhận, tuy nhiên việc luật sư đề nghị áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp của đại diện VKS đề nghị là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[8] *Về hình phạt bổ sung:* Tại phiên đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX căn cứ khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 BLHS phạt tiền bổ sung bị cáo Phạm T từ 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) đến 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), Nguyễn P từ 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) đến 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) và Phạm Hà Thanh T1 từ 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) đến 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước, xét đề nghị này của đại diện VKS là phù hợp với quy định của pháp luật, song xét các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nhất định nên phạt bị cáo T 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), bị cáo P 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) và bị cáo Thiên 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước là cũng phù hợp.

[9] *Về biện pháp tư pháp*: Quá trình mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo T thu lợi bất chính số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu, năm trăm ngàn đồng) và bị cáo P 1.000.000đ (Một triệu đồng); Căn cứ Điều 46 BLHS buộc các bị cáo nộp lại số tiền trên để sung vào ngân sách nhà nước.

[10] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự xử lý như sau:

[10.1] Đối với những vật chứng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy.

[10.2] Đối với vật chứng sử dụng vào việc phạm tội, nhưng có giá trị sử dụng thì tịch thu bán hóa giá sung vào ngân sách nhà nước.

[10.3] Đối với vật chứng không có liên quan đến việc phạm tội thì trả lại cho chủ sở hữu, nhưng tiếp tục quy trữ, tạm giữ đảm bảo thi hành án.

[11] *Những vấn đề liên quan trong vụ án*:

[11.1] Các đối tượng H, T5 là người bán, mua ma túy với Phạm T nhưng do không rõ về nhân thân Lai lịch, nên cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau, nên không đề cập đến.

[11.2] Đối với Nguyễn T4, Hồ Chí T3 là những người cho Nguyễn P mượn để sử dụng và chở Phạm Hà Thanh T1 đi mua ma túy, nhưng cả hai đều không biết việc các bị cáo P mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo T1 mua ma túy sử dụng, cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, nên cũng không đề cập đến.

[11.3] Đối với hành vi tàng trữ 01 (một) khẩu súng tác dụng tương tự vũ khí thể thao, 19 (mười chín) viên đạn loại đạn thể thao quốc phòng và 01 (một) cây đao mèo có tính năng tác dụng tương tự vũ khí thô sơ của Phạm T có dấu hiệu của tội “Tàng trữ vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao” theo quy định tại Điều 306 BLHS. Tuy nhiên, bị cáo T chưa bị xử lý hành chính về một trong các hành vi quy định tại điều này và cũng chưa bị kết án về tội danh này, nên hành vi này của bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Công an thành phố Đà Nẵng ra quyết định xử lý hành chính là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cũng không đề cập đến.

[12] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**I. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Phạm T, Nguyễn P phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, và bị cáo Phạm Hà Thanh T1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

### **II. Về hình phạt:**

**2.1. Căn cứ:** Điểm h khoản 4 Điều 251, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 BLHS.

**Xử phạt:** Bị cáo Phạm T: **20 (hai mươi)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 26/7/2023.

**2.2. Căn cứ:** Điểm b khoản 2 Điều 251, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 BLHS.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn P: **09 (chín)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 25/7/2023.

**2.3. Căn cứ:** Điểm g khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS.

**Xử phạt:** Bị cáo Phạm Hà Thanh T1: **03 (ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 25/7/2023.

**2.4. Hình phạt bổ sung:** Căn cứ khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 BLHS.

\* Phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm T số tiền **30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)**, bị cáo Nguyễn P **20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)** và bị cáo Phạm Hà Thanh T1 **10.000.000đ (Mười triệu đồng)** để sung vào ngân sách nhà nước.

### **III. Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ điều 46 BLHS.

\* Buộc bị cáo Phạm T nộp lại số tiền **7.500.000đ (Bảy triệu, năm trăm ngàn đồng)** và bị cáo Nguyễn P **1.000.000đ (Một triệu đồng)** do thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

**IV. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

#### **4.1. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng gồm:**

\* 01(một) mẫu ma túy hoàn trả lại sau Kết luận giám định số: 679/KL-KTHS ngày 03/8/2023 của Phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng (gồm 04 bì thư có ký hiệu A,F,T,B1); 01(một) bì thư của Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã niêm phong theo kết luận giám định số 705/KL-KTHS ngày 15/8/2023.

\* 20 (hai mươi) gói ni lông, kích thước khoảng (04 x 04) cm và 20 (hai mươi) gói ni lông, kích thước khoảng (8,5 x 5,5) cm, chưa qua sử dụng; 01(một) cân tiểu ly màu đen, đã qua sử dụng; 19(mười chín) viên đạn hình trụ tròn, chiều dài mỗi viên khoảng 2,5 cm; 01(một) khẩu súng màu đen, có dòng chữ ZP-5, trong ổ đạn không có đạn; 01(một) cây dao mèo màu đen, lưỡi dao bằng kim loại, dài khoảng 35cm, nơi rộng nhất khoảng 06cm, mũi dao nhọn, cán dao bằng gỗ, dài khoảng 14cm và các sim số: 0901.924.xxx; 0799.444.xxx; 0702.731.xxx; 0905.242.xxx.

#### **4.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng gồm:**

\* 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone Xs, màu trắng, số Imel 1: 351147101691xxx và Imel 2353147101705xxx, gắn sim có ký hiệu: 8401-2108-3310- xxxx (của bị cáo Nguyễn P); 01(một) điện thoại di động có ghi dòng chữ Sam sung, màu đen, số Imei 1: 351389227657xxx, số Imei 2: 352682487657xxx, gắn thẻ sim có ký hiệu: 8401-2108- 1230-9xxx (của bị cáo Phạm Hà Thanh T1); 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone màu tím số Imeil: 353843247223xxx gắn sim có ký hiệu: 8401-2212-3323-2xxx và 01(một) điện thoại di động có dòng chữ Nokia, màu đen, số seri: 352885104580xxx gắn sim số: 8401-2108-1217-0xxx (của bị cáo Phạm T) do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

**4.3.** Trả lại cho bị cáo Phạm Hà Thanh T1 01(một) điện thoại di động có ghi dòng chữ Nokia, màu xanh đen, số Imei 1: 356107164744xxx, gắn thẻ sim số có ký hiệu: 8401-2107- 3308- 5xxx (do không sử dụng vào việc phạm tội), nhưng tiếp tục quy trữ tạm giữ nhằm đảm bảo việc thi hành án.

Toàn bộ tang vật chứng nêu trên hiện Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/11/2023.

**V. Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Phạm T, Nguyễn P và Phạm Hà Thanh T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**VI. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại giam Công an TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Vĩnh Chuyển**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

| <b>Thành viên Hội đồng xét xử</b> | <b>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa</b> |
|-----------------------------------|--------------------------------------|
|                                   |                                      |



**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- CATPĐN;
- PC 45 - CA TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS – Công an Tp Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Long**